

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 đã được soát xét.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Xây lắp và Phát triển nhà số 1 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 theo Quyết định số 1636/QĐ-BXD ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103003442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004. Đăng ký thay đổi lần 6 ngày 25 tháng 01 năm 2011, Vốn điều lệ của Công ty là 100 tỷ đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HUD1 Investment and Construction Joint Stock Company, Tên viết tắt: HUD1., JSC.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã chứng khoán: HUI

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Các Công ty con được hợp nhất gồm:

Các Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 là Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02.

Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam ban hành ngày 29/11/2005. Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 có trụ sở tại Số 6, Biệt thự 5 bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Tổng vốn điều lệ là 10.600.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 chiếm 51% vốn.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02 là Công ty con được thành lập theo Quyết định số 48/QĐ-HĐQT ngày 18/09/2008 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 trên cơ sở chuyển đổi Chi nhánh của Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02 có vốn điều lệ là 25.000.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 chiếm 51% vốn điều lệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Văn Dân	Chủ tịch
	Ông Dương Tất Khiêm	Ủy viên
	Ông Lê Thanh Hải	Ủy viên
	Ông Nguyễn Đình Thắng	Ủy viên
	Ông Ngô Quang Đạo	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Dương Tất Khiêm	Giám đốc
	Ông Nguyễn Đình Học	Phó Giám đốc
	Ông Ngô Quang Đạo	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Việt Phương	Phó Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Dương Tất Khiêm

Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2017

Số: 648/2017/BCSX-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1, được lập ngày 15 tháng 08 năm 2017, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2017/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/01/2017 của Chủ tịch HĐTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		559.934.888.812	600.884.755.692
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	25.999.597.223	13.216.624.965
1. Tiền	111		25.999.597.223	13.216.624.965
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.230.000.000	1.230.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	1.230.000.000	1.230.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		381.470.426.109	437.297.637.653
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	172.503.514.352	241.647.980.503
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	60.814.107.992	56.401.846.228
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	148.656.024.979	139.751.032.136
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(503.221.214)	(503.221.214)
IV. Hàng tồn kho	140		148.753.613.275	148.832.842.250
1. Hàng tồn kho	141	5.7	148.753.613.275	148.832.842.250
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.481.252.205	307.650.824
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.12	350.349.559	41.411.667
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		358.592.328	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	1.772.310.318	266.239.157
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		262.571.316.414	53.069.673.308
II. Tài sản cố định	220		4.042.049.781	4.807.556.631
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	4.042.049.781	4.807.556.631
- Nguyên giá	222		27.912.045.475	27.912.045.475
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.869.995.694)	(23.104.488.844)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.9	3.018.402.254	3.053.889.002
1. Nguyên giá	231		3.503.011.269	3.503.011.269
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(484.609.015)	(449.122.267)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		239.851.783.253	30.141.488.070
1. Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	241	5.8	239.851.783.253	30.141.488.070
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	13.581.432.974	13.581.432.974
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		581.432.974	581.432.974
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		13.000.000.000	13.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.077.648.152	1.485.306.631
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	2.077.648.152	1.485.306.631
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		822.506.205.226	653.954.429.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		653.670.021.569	478.308.160.923
I. Nợ ngắn hạn	310		653.555.020.769	478.308.160.923
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	84.911.282.274	28.232.458.414
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	47.332.432.098	26.762.718.323
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	3.696.411.082	15.341.234.904
4. Phải trả người lao động	314		913.090.700	1.488.685.733
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	12.617.326.728	2.952.646.948
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	109.610.519.263	153.150.058.209
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	392.500.697.379	248.667.115.272
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.973.261.245	1.713.243.120
II. Nợ dài hạn	330		115.000.800	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	115.000.800	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		168.836.183.657	175.646.268.077
I. Vốn chủ sở hữu	410		168.836.183.657	175.646.268.077
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.19	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		23.300.417.000	23.300.417.000
4. Cổ phiếu quỹ	415		(2.750.000.000)	(2.750.000.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		32.820.154.192	32.820.154.192
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		513.347.161	7.061.965.121
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		590.265.121	3.563.732.878
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(76.917.960)	3.498.232.243
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		14.952.265.304	15.213.731.764
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		822.506.205.226	653.954.429.000

Người lập



Lê Mạnh Tiến

Kế toán trưởng



Lê Thanh Hải

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2017

Giám đốc



Dương Tất Khiêm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

Mẫu B 02a-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
			từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
			VND	VND
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.20	102.727.256.766	64.746.503.081
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		102.727.256.766	64.746.503.081
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	96.708.188.480	61.370.098.852
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		6.019.068.286	3.376.404.229
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	93.868.169	(6.482.852)
7. Chi phí tài chính	22	5.23	1.366.414.907	1.987.440.353
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.366.414.907	1.987.440.353
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.24	5.131.625.999	2.746.734.417
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+(24) -(25+26)}	30		(385.104.451)	(1.364.253.393)
12. Thu nhập khác	31		100.000.000	1.238.548.836
13. Chi phí khác	32		-	120.000.000
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.25	100.000.000	1.118.548.836
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(285.104.451)	(245.704.557)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	53.279.969	18.256.091
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(338.384.420)	(263.960.648)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		(76.917.960)	(103.266.232)
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(261.466.460)	(160.694.416)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.27	(34)	(26)

Người lập



Lê Mạnh Tiến

Kế toán trưởng



Lê Thanh Hải

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2017

Giám đốc



Đương Tất Khiêm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
			từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
			VND	VND
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(285.104.451)	(245.704.557)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		765.506.850	797.459.234
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(93.868.169)	6.482.852
- Chi phí lãi vay	06		1.366.414.907	1.987.440.353
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.752.949.137	2.545.677.882
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		54.321.140.383	75.757.834.229
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(209.631.066.208)	(23.838.922.309)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		33.371.536.836	(46.615.246.783)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(901.279.413)	(4.933.985.820)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.400.975.986)	(7.799.343.993)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(656.782.767)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(131.144.478.018)	(4.883.986.794)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		93.868.169	(6.482.852)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		93.868.169	(6.482.852)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		249.877.035.524	109.220.251.730
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(106.043.453.417)	(126.031.322.820)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		143.833.582.107	(16.811.071.090)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		12.782.972.258	(21.701.540.736)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		13.216.624.965	40.430.136.434
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 60+50)	70	5.1	25.999.597.223	18.728.595.698

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lê Mạnh Tiến

Lê Thanh Hải

Đương Tất Khiêm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09a - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Xây lắp và Phát triển nhà số 1 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 theo Quyết định số 1636/QĐ-BXD ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103003442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004. Đăng ký thay đổi lần 6 ngày 25 tháng 01 năm 2011.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HUD1 Investment and Construction Joint Stock Company, Tên viết tắt: HUD1., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 là 100.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	5.100.000	51.000.000.000	51%
Các cổ đông khác	4.900.000	49.000.000.000	49%
Cộng	10.000.000	100.000.000.000	100%

Công ty hiện đang Niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã chứng khoán: HUI

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong kỳ: 195 người

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị và khu công nghiệp;
- Thi công xây lắp các loại công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị, khu công nghiệp, thi công lắp đặt thiết bị kỹ thuật công trình, hệ thống cứu hỏa, trang trí nội ngoại thất các công trình xây dựng;
- Tư vấn, thiết kế các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, công nghiệp xây dựng, công nghệ xây dựng;
- Thi công lắp đặt hệ thống thông gió, chiếu sáng, hệ thống điện, điện lạnh;
- Tư vấn, giám sát xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng và công nghiệp;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2017, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con			
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101	Xây dựng công trình	51%	51%
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng HUD1.02	Xây dựng công trình	51%	51%
Công ty liên kết			
Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng CIC DECOR	Thiết kế, kinh doanh nội thất	20%	20%
Công ty đầu tư dài hạn khác			
Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc	Kinh doanh xăng dầu		

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp nhất được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1, các Công ty con là Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí gia dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017
	(số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn sử dụng nên Công ty không thực hiện trích khấu hao.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà & Đô thị HUD, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp, kinh doanh bất động sản, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh. Chi phí quản lý doanh nghiệp, được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu cho bộ phận đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	5.611.460.038	4.537.083.733
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.388.137.185	8.679.541.232
Tổng	25.999.597.223	13.216.624.965

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tiền gửi có kỳ hạn				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	1.230.000.000	1.230.000.000	1.230.000.000	1.230.000.000
Tổng	1.230.000.000	1.230.000.000	1.230.000.000	1.230.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	172.503.514.352	241.647.980.503
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bao Bì	625.292.017	13.238.287.719
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Đại Mỗ	955.915.707	7.155.915.707
Ban quản lý môi trường Đô thị Lào Cai	4.399.541.136	6.025.738.562
BDL các Dự án Đường thủy Nội địa Phía Bắc	-	16.531.544.880
Công ty Cổ phần Đầu tư và PT Bất động sản Thế Kỷ	11.653.223.000	19.811.187.000
Công ty CP Khách sạn và Du lịch Bảo Việt	2.724.652.263	2.724.652.263
Công ty Cổ phần Tasco	14.264.715.251	48.884.671.363
Công ty TNHH PT Đô thị và Xây dựng 379	34.236.153.005	36.326.618.743
Công ty Cổ phần Kỹ thuật SEEN	-	3.334.623.036
Công ty CP TV Đầu tư TM và XD Hà Thành	-	-
Các đối tượng khác	103.644.021.973	87.614.741.230
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan</i>	<i>63.258.857.278</i>	<i>63.647.899.086</i>
<i>Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD</i>	<i>62.330.670.203</i>	<i>62.289.768.761</i>
<i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND</i>	<i>-</i>	<i>175.045.250</i>
<i>Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao</i>	<i>168.572.185</i>	<i>168.572.185</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà & Đô thị số 9</i>	<i>759.614.890</i>	<i>759.614.890</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nha Trang</i>	<i>-</i>	<i>254.898.000</i>
Tổng	172.503.514.352	241.647.980.503

5.4 Trả trước cho người bán

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	60.814.107.992	56.401.846.228
Công ty TNHH MTV Giang Hải	3.185.969.980	3.185.969.980
Công ty CP Lắp máy điện nước và Xây dựng	5.531.519.022	5.531.519.022
Công ty Cổ phần Phân phối - Bán lẻ VNF1	47.250.000.000	47.250.000.000
Các khoản trả trước cho người bán khác	4.846.618.990	434.357.226
Tổng	60.814.107.992	56.401.846.228

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	148.656.024.979		139.751.032.136	
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp phải thu	1.123.449.195	-	1.283.240.953	-
Tạm ứng	141.599.104.340	-	136.329.384.441	-
Phải thu khác	5.933.471.444	-	2.138.406.742	-
<i>Ban quản lý kè đê biển chắn sóng khu vực phía Bắc</i>	<i>3.384.709.139</i>	-	<i>707.146.904</i>	-
<i>Nhà ở TNT gói thầu XL2 - Vĩnh Lộc B</i>	<i>617.179.789</i>		<i>617.179.789</i>	
<i>Phải thu khác</i>	<i>1.931.582.516</i>	-	<i>814.080.049</i>	-
Tổng	148.656.024.979	-	139.751.032.136	-

5.6 Nợ xấu

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	503.221.214	503.221.214	503.221.214	503.221.214
<i>Trong đó:</i>	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Công ty Đá Quý Thế giới				376.978.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy SHINEC				64.166.800
Công ty Cổ phần Sinh học Dược phẩm Ba Đình				62.076.414
Tổng				503.221.214

5.7 Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	148.753.613.275	-	148.832.842.250	-
Tổng	148.753.613.275	-	148.832.842.250	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.8 Chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn

	30/06/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	239.851.783.253	239.431.094.800	30.141.488.070	30.141.488.070
Dự án Đầu tư Chánh Mỹ	19.428.675.518	19.428.675.518	19.428.675.518	19.428.675.518
Dự án 176 Định Công	420.688.453	-	8.663.770.254	8.663.770.254
Dự án 176 Định Công	220.002.419.282	220.002.419.282	1.580.863.287	1.580.863.287
Các Dự án khác	-	-	468.179.011	468.179.011
Tổng	239.851.783.253	239.431.094.800	30.141.488.070	30.141.488.070

5.9 Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Nguyên giá	3.503.011.269	-	-	3.503.011.269
- Quyền sử dụng đất	1.776.366.200	-	-	1.776.366.200
- Nhà	1.726.645.069	-	-	1.726.645.069
Giá trị hao mòn lũy kế	449.122.267	35.486.748	-	484.609.015
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	449.122.267	35.486.748	-	484.609.015
Giá trị còn lại	3.053.889.002	- 35.486.748	-	3.018.402.254
- Quyền sử dụng đất	1.776.366.200	-	-	1.776.366.200
- Nhà	1.277.522.802	- 35.486.748	-	1.242.036.054

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 82/2010/3330385 ngày 09/06/2010 với diện tích 209 m², thời hạn giao đất là lâu dài. Mục đích sử dụng: Kinh doanh cho thuê văn phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.10 Tài sản cố định hữu hình

Năm 2017	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng	Đơn vị tính: VND
Tại ngày 01 tháng 01	4.117.345.021	14.818.864.140	8.608.114.561	367.721.753	27.912.045.475	
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	
Tại ngày 30 tháng 06	4.117.345.021	14.818.864.140	8.608.114.561	367.721.753	27.912.045.475	
<u>Giá trị hao mòn lũy kế</u>						
Tại ngày 01 tháng 01	2.195.018.878	14.440.058.019	6.101.690.194	367.721.753	23.104.488.844	
Tăng trong kỳ	81.499.440	338.360.924	345.646.486	-	765.506.850	
Khấu hao trong kỳ	81.499.440	338.360.924	345.646.486	-	765.506.850	
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	
Tại ngày 30 tháng 06	2.276.518.318	14.778.418.943	6.447.336.680	367.721.753	23.869.995.694	
<u>Giá trị còn lại</u>						
Tại ngày 01 tháng 01	1.922.326.143	378.806.121	2.506.424.367	-	4.807.556.631	
Tại ngày 30 tháng 06	1.840.826.703	40.445.197	2.160.777.881	-	4.042.049.781	

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2017 với giá trị là 5.624.262.699 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Đầu tư vào Công ty liên kết	581.432.974	581.432.974	581.432.974	581.432.974
Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng CIC DECOR	581.432.974	581.432.974	581.432.974	581.432.974
Đầu tư dài hạn khác	13.000.000.000	-	13.000.000.000	-
Công ty TNHH Đại Thiên Lộc	13.000.000.000	-	13.000.000.000	-
Tổng	13.581.432.974	581.432.974	13.581.432.974	581.432.974

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng CIC DECOR	CT4, khu đô thị Mỹ Đình II, Từ Liêm, Hà Nội	20%	20%	Thiết kế, kinh doanh nội thất

Thông tin chi tiết về Khoản đầu tư của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 như sau:

Theo Hợp đồng hợp tác Đầu tư số 02/HĐHTĐT ngày 19/5/2011 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUDI và Công ty TNHH Đại Thiên Lộc hợp tác đầu tư xây dựng hạ tầng và kinh doanh Dự án Trạm dừng nghỉ xe đường dài Đại Thiên Lộc. Theo hợp đồng Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUDI góp vốn kinh doanh bằng tiền mặt với số vốn góp là 30 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 30/06/2017 Công ty đã góp được 13 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.12 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	350.349.559	41.411.667
Chi phí công cụ, dụng cụ	350.349.559	41.411.667
b) Dài hạn	2.077.648.152	1.485.306.631
Chi phí khác và công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.077.648.152	1.485.306.631
Tổng	2.427.997.711	1.526.718.298

5.13 Phải trả người bán

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	84.911.282.274	84.911.282.274	28.232.458.414	28.232.458.414
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng	5.531.519.022	5.531.519.022	5.531.519.022	5.531.519.022
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Anh Chi	2.800.000.000	2.800.000.000	2.800.000.000	2.800.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng và Xây lắp Hòa Bình	3.772.197.180	3.772.197.180	3.772.197.180	3.772.197.180
Phải trả các đối tượng khác	72.807.566.072	72.807.566.072	16.128.742.212	16.128.742.212
Tổng	84.911.282.274	84.911.282.274	28.232.458.414	28.232.458.414

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	01/01/2017	01/01/2017
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	47.332.432.098	26.762.718.323
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	14.021.395.011	14.370.360.209
Ban quản lý Dự án Phát triển Công trình đô thị - SXD HN	383.222.166	383.222.166
Công ty Cổ phần Tasco	-	10.945.665.159
Ban quản lý Phát triển tỉnh Khánh Hòa	7.980.500.000	-
Người mua trả tiền trước khác	24.947.314.921	1.063.470.789
Tổng	47.332.432.098	26.762.718.323

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017		Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Đơn vị tính: VND 6/30/2017	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	11.303.271.420	8.017.720.767	8.017.720.767	-	1.346.904.921
Thuế thu nhập doanh nghiệp	158.906.363	1.747.643.945	53.279.969	656.782.767	158.906.363	1.217.612.820
Thuế thu nhập cá nhân	106.098.976	12.736.854	119.716.144	43.266.682	106.098.976	89.186.316
Các khoản phải thu nhà nước	1.233.818	-	-	1.428.206.629	1.428.246.567	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.234.875.660	-	1.313.934.072	79.058.412	-
Các loại thuế khác	-	512.797.230	-	-	-	512.797.230
Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	529.909.795	-	-	-	529.909.795
Tổng	266.239.157	15.341.234.904	8.190.716.880	11.459.910.917	1.772.310.318	3.696.411.082

5.16 Chi phí phải trả

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	12.617.326.728	2.952.646.948
Trích trước chi phí lãi vay ngân hàng	-	305.988.280
Trích trước chi phí thoát nước thải/tuyến A1, A6, B.	781.539.000	781.539.000
Trích trước chi phí Dự án Chánh Mỹ	1.482.428.905	1.482.428.905
Trích trước chi phí công trình Tổng cục cảnh sát	9.167.171.188	-
Chi phí phải trả dài hạn khác	1.186.187.635	382.690.763
Tổng	12.617.326.728	2.952.646.948

5.17 Các khoản phải trả, phải nộp

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn	109.610.519.263	153.150.058.209
- Kinh phí công đoàn;	532.359.146	570.316.576
- Bảo hiểm xã hội;	2.269.697.642	2.080.509.402
- Bảo hiểm y tế;	345.799.017	328.790.635
- Bảo hiểm thất nghiệp;	216.062.280	192.982.451
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	106.246.601.178	149.977.459.145
<i>Phải trả các đội thi công</i>	<i>94.412.262.478</i>	<i>136.557.496.998</i>
<i>Phải trả Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị</i>	<i>2.975.081.460</i>	<i>2.975.081.460</i>
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>7.203.142.093</i>	<i>1.203.142.093</i>
<i>Tiền vay cá nhân</i>	<i>-</i>	<i>7.517.880.320</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>1.656.115.147</i>	<i>1.723.858.274</i>
b) Dài hạn	115.000.800	-
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	115.000.800	-
Tổng	109.725.520.063	153.150.058.209

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.18 Vay và thuê ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Trong kỳ						
	30/06/2017	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn		392.500.697.379	392.500.697.379	249.877.035.524	106.043.453.417	248.667.115.272	224.097.622.958
Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Hà Nội (1)	210.120.997.721		210.120.997.721	96.116.509.524	106.043.453.417	220.047.941.614	220.047.941.614
Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh (2)	5.403.173.658		5.403.173.658	-	-	5.403.173.658	3.649.681.344
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội Chi nhánh Thăng Long (3)	153.760.526.000		153.760.526.000	153.760.526.000	-	-	-
Vay cá nhân	23.216.000.000		23.216.000.000	-	-	23.216.000.000	400.000.000
Tổng	392.500.697.379	392.500.697.379	392.500.697.379	249.877.035.524	106.043.453.417	248.667.115.272	224.097.622.958

(1): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP ĐT& PT Việt Nam - CN Hà Nội theo hợp đồng vay sau:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/135016/HĐTDHM ngày 11/05/2016. Vay tối đa 200 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, thời hạn rút vốn của Hợp đồng: từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/4/2017. Lãi suất cho vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, ngân hàng được điều chỉnh lãi suất đột xuất do yêu cầu biến động lãi suất phù hợp với cơ chế điều hành của lãi suất ngân hàng trong từng thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật. Kỳ hạn trả nợ lãi được xác định tại Hợp đồng tín dụng cụ thể.

Tài sản thế chấp gồm:

+ Thế chấp bằng TS của bên vay: Xe Toyota Innova 30X-6803, Xe Toyota Innova 29A-484.36, xe ô tô Toyota Corolla 29A-298.42; xe ô tô Toyota Camry BKS: 29A-582.57, căn trực tháp Zoomlion TCN5013B-6; chi tiết theo hợp đồng thế chấp tài sản số 02/135016/2014/HĐTC ngày 24/12/14, Số dư tài khoản tiền gửi có kỳ hạn 4.500.000.000 d.

+ Thế chấp bằng tài sản bên thứ 3: Quyền sử dụng đất tại địa chỉ phòng số 612, CT3-1, KĐT Mễ Trì Hạ, xã Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội; Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất căn hộ số 20 dãy A, lô số 1, Khu đô thị mới Trung Yên, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội; Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 12 (SM14) Ngõ 79 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội; Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền đất địa phương tại Ô A4 Lô BT06, khu đô thị mới Việt Hưng, phường Giang Biên, Long Biên, Hà Nội.

+ Tài sản đảm bảo bổ sung: tài sản gắn liền trên đất tại trụ sở làm việc số 168 Giải Phóng, xe Toyoto Innova 2.0 BKS 29Y-1738, Xe Toyota Camry 2.4G-BKS: 29U-1836, Xe Toyota Camry 2.4G- BKS: 29V-0190.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.18 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

(2): Vay theo Hợp đồng tín dụng số 56/2015/3330385/HĐTD ngày 24 tháng 12 năm 2015 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh với hạn mức tín dụng là: 6.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng; Lãi suất: theo từng lần nhận nợ; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Đảm bảo tiền vay: bất động sản tại Số 1, lô J, phường Bình Trưng Đông, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, bất động sản tại thửa đất số 723 tờ bản đồ số 71 nền M21, Khu tái định cư 17,3 ha, phường Tân Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, thẻ chấp xe Toyota Camry 2.4 G, 5 chỗ, biển số 52 U-9746 và toàn bộ dư tài khoản tiền gửi bằng VND, ngoại tệ tại ngân hàng và các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế.

(3): Hợp đồng tín dụng trung dài hạn dự án: khu nhà ở hỗn hợp cao tầng Hud 1- VNF1 tại số 176 Định Công- Hoàng Mai- Hà Nội, theo Hợp đồng số 274/2016/HĐTDTH- PN/SHB.110600 ngày 20/10/2016 ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn- Hà Nội- SHB Chi nhánh Thăng Long; Số tiền vay: 372.000.000.000 đồng; Mục đích vay: tài trợ chi phí tiền sử dụng đất và các chi phí đầu tư xây dựng hợp lệ phần móng và phần hầm của dự án xây dựng Công trình ở 176 Định Công, Thời hạn vay: Tối đa 12 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, Lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Chi tiết tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	100.000.000.000	23.300.417.000	(2.750.000.000)	32.426.212.915	11.139.497.986	15.478.950.198	179.595.078.099
Tăng trong năm	-	-	-	393.941.277	3.498.232.243	-	3.892.173.520
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	3.498.232.243	-	3.498.232.243
Trích lập các quỹ	-	-	-	393.941.277	-	-	393.941.277
Giảm trong năm	-	-	-	-	7.575.765.108	265.218.434	7.840.983.542
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.575.765.108	-	1.575.765.108
Chi cổ tức	-	-	-	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	265.218.434	265.218.434
Số dư tại 31/12/2016	100.000.000.000	23.300.417.000	(2.750.000.000)	32.820.154.192	7.061.965.121	15.213.731.764	175.646.268.077
Số dư tại 01/01/2017	100.000.000.000	23.300.417.000	(2.750.000.000)	32.820.154.192	7.061.965.121	15.213.731.764	175.646.268.077
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	(76.917.960)	-	(76.917.960)
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	(76.917.960)	-	(76.917.960)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	6.471.700.000	261.466.460	6.733.166.460
Chia trả cổ tức	-	-	-	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	471.700.000	-	471.700.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	261.466.460	261.466.460
Số dư tại 30/06/2017	100.000.000.000	23.300.417.000	(2.750.000.000)	32.820.154.192	513.347.161	14.952.265.304	168.836.183.657

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà & Đô thị HUD	51.000.000.000	51.000.000.000
Cổ đông khác	49.000.000.000	49.000.000.000
Tổng	100.000.000.000	100.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ		
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ tức đã chia	6.000.000.000	6.000.000.000
- Lợi nhuận đã chia	471.700.000	1.575.765.108

d. Cổ phiếu

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 Cổ phiếu	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.20 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
a, Doanh thu		
Doanh thu xây lắp	98.215.268.952	59.797.597.897
Doanh thu kinh doanh bất động sản	4.511.987.814	877.537.776
Doanh thu dịch vụ	-	4.071.367.408
Tổng	102.727.256.766	64.746.503.081

5.21 Giá vốn hàng bán

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Giá vốn xây lắp	94.680.065.464	57.511.769.001
Giá vốn kinh doanh bất động sản	2.028.123.016	438.768.888
Giá vốn khác	-	3.419.560.963
Tổng	96.708.188.480	61.370.098.852

5.22 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	93.868.169	(6.482.852)
Tổng	93.868.169	(6.482.852)

5.23 Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Chi phí lãi vay	1.366.414.907	1.987.440.353
Tổng	1.366.414.907	1.987.440.353

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.242.417.404	1.019.266.282
Chi phí vật liệu quản lý	5.035.635	202.156.145
Chi phí khấu hao	569.191.380	496.944.874
Thuế, phí, lệ phí	19.388.720	25.303.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.044.488.384	765.772.992
Chi phí khác bằng tiền	251.104.476	237.291.124
Tổng	5.131.625.999	2.746.734.417

5.25 Thu nhập khác/chi phí khác

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ cho thuê thiết bị xây dựng		1.238.548.836
Thu nhập khác	100.000.000	-
Tổng	100.000.000	1.238.548.836
Chi phí khác		
Chi phí khác	-	120.000.000
Tổng	-	120.000.000
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	100.000.000	1.118.548.836

5.26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	53.279.969	18.256.091
Tổng	53.279.969	18.256.091

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.27 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(338.384.420)	(263.960.648)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi		-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(338.384.420)	(263.960.648)
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(34)	(26)

5.28 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	31.064.066.052	120.063.219.184
Chi phí nhân công	52.854.013.145	55.782.352.965
Chi phí khấu hao tài sản cố định	765.506.850	974.887.295
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.229.425.930	18.829.053.548
Chi phí khác bằng tiền	157.625.872.917	8.283.304.582
Tổng	258.538.884.894	203.932.817.574

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Số dư với các bên liên quan**

Các khoản phải thu	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Công ty mẹ	Phải thu khách hàng	62.330.670.203	62.289.768.761
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	Thành viên cùng TCT	Phải thu khách hàng	-	175.045.250
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà & Đô thị số 9	Thành viên cùng TCT	Phải thu khách hàng	759.614.890	759.614.890
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	Thành viên cùng TCT	Phải thu khách hàng	168.572.185	168.572.185
Các khoản phải trả	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Công ty mẹ	Người mua trả tiền trước	14.021.395.011	14.370.360.209
		Phí bảo lãnh, phí quản lý đô thị	2.975.081.460	2.975.081.460

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch với nhân sự chủ chốt**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
		từ 01/01/2017	từ 01/01/2016
		đến 30/6/2017	đến 30/6/2016
		VND	VND
Ban Giám đốc	Lương, thu nhập	739.302.262	562.041.157
Tổng		739.302.262	562.041.157

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bán hàng	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
		từ 01/01/2017	từ 01/01/2016
		đến 30/6/2017	đến 30/6/2016
		VND	VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Thi công xây dựng	2.367.460.908	16.622.809.084
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	Thi công xây dựng	-	6.220.738.182

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

6.2 Báo cáo bộ phận**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017**

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Kinh doanh xây lắp, kinh doanh Bất động sản và lĩnh vực khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 06 năm 2017*Đơn vị tính: VND*

	Xây lắp	Kinh doanh BĐS	Khác	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	-	-	-	4.042.049.781
Các khoản phải thu	311.808.696.945	69.661.729.164	-	381.470.426.109
Hàng tồn kho, Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	148.753.613.275	239.851.783.253	-	388.605.396.528
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	48.388.332.808
Tổng tài sản				822.506.205.226
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	234.669.168.741	7.185.064.894	-	241.854.233.635
Phải trả tiền vay	238.740.171.379	153.760.526.000	-	392.500.697.379
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	19.315.090.555
Tổng nợ phải trả				653.670.021.569

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

	Xây lắp	Kinh doanh BĐS	Khác	Tổng
DOANH THU				
Tổng doanh thu	98.215.268.952	4.511.987.814	-	102.727.256.766
Doanh thu	98.215.268.952	4.511.987.814	-	102.727.256.766
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	(1.406.055.050)	2.258.473.459	-	852.418.409
Lãi tiền gửi	-	-	-	93.868.169
Chi phí lãi vay				(1.366.414.907)
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	100.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp			-	(18.256.091)
Lợi nhuận trong năm				(338.384.420)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)*Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01 tháng 01 năm 2017*

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Xây lắp	Kinh doanh BĐS	Khác	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	-	-	-	4.807.556.631
Các khoản phải thu	366.350.805.056	70.946.832.597	-	437.297.637.653
Hàng tồn kho, Chi phí SX, KD dờ dang dài hạn	148.832.842.250	30.141.488.070	-	178.974.330.320
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	32.874.904.396
Tổng tài sản				653.954.429.000
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	198.839.170.144	9.306.064.802	-	208.145.234.946
Phải trả tiền vay	201.636.089.151	-	-	201.636.089.151
Nợ phải trả không thể phân bổ	-	-	-	68.526.836.826
Tổng nợ phải trả				478.308.160.923

Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ hoạt động tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Xây lắp	Kinh doanh BĐS	Khác	Tổng
DOANH THU				
Tổng doanh thu	59.797.597.897	877.537.776	4.071.367.408	64.746.503.081
Doanh thu	59.797.597.897	877.537.776	4.071.367.408	64.746.503.081
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	852.546.164	401.541.191	479.087.233	1.733.174.588
Lãi tiền gửi	-	-	-	(6.482.852)
Chi phí tài chính	-	-	-	(1.987.440.353)
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	1.238.548.836
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(1.241.760.867)
Lợi nhuận trong năm				(263.960.648)

6.3 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc của Công ty gồm có các khoản công nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.999.597.223	13.216.624.965
Phải thu khách hàng và phải thu khác	381.399.012.639	381.399.012.639
Đầu tư ngắn hạn	1.230.000.000	1.230.000.000
Đầu tư dài hạn	13.581.432.974	13.581.432.974
Tổng	422.210.042.836	409.427.070.578
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	392.500.697.379	248.667.115.272
Phải trả người bán và phải trả khác	194.521.801.537	181.382.516.623
Chi phí phải trả	12.617.326.728	2.952.646.948
Tổng	599.639.825.644	433.002.278.843

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ, do đó Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng sau đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dự trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
30/06/2017			
Các khoản vay	392.500.697.379	-	392.500.697.379
Phải trả người bán và phải trả khác	194.521.801.537	-	194.521.801.537
Chi phí phải trả	12.617.326.728	-	12.617.326.728
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2017			
Các khoản vay	248.667.115.272	-	248.667.115.272
Phải trả người bán và phải trả khác	181.382.516.623	-	181.382.516.623
Chi phí phải trả	2.952.646.948	-	2.952.646.948

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phát sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
30/06/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.999.597.223	-	25.999.597.223
Phải thu khách hàng và phải thu khác	321.159.539.331	-	321.159.539.331
Đầu tư ngắn hạn	1.230.000.000	-	1.230.000.000
Đầu tư dài hạn	13.581.432.974	-	13.581.432.974
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.216.624.965	-	13.216.624.965
Phải thu khách hàng và phải thu khác	381.399.012.639	-	381.399.012.639
Đầu tư ngắn hạn	1.230.000.000	-	1.230.000.000
Đầu tư dài hạn	13.581.432.974	-	13.581.432.974

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

6.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được soát xét và Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

Người lập



Lê Mạnh Tiến

Kế toán trưởng



Lê Thanh Hải

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2017

Giám đốc



Dương Tất Khiêm